

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN
VÀ THỦY SẢN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố	Trang
01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản – BNN-TGG- 288021	1817/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	2-8
02	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn) – BNN-TGG- 288022	1817/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	9-15
03	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP) – BNN-TGG- 288023	1817/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	16-18
04	Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản– BNN-TGG- 288020	1817/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	19-22
05	Đăng ký hỗ trợ thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn	2614/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	23-27
06	Đăng ký hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và an toàn	2614/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	28-32
07	Đăng ký hỗ trợ kinh phí cấp lại giấy chứng nhận thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và an toàn (đối với các cơ sở chưa được hỗ trợ lần đầu)	2614/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	33-37

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

- *Trình tự thực hiện:*

+ Trường hợp 1

a) Cơ sở nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP (Cơ quan kiểm tra cấp địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PINT).

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận ATTP (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).

d) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc không cấp Giấy chứng nhận ATTP trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp 2

a) Cơ sở nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP (Cơ quan kiểm tra cấp địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT).

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

d) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc không cấp Giấy chứng nhận ATTP trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Cách thức thực hiện:** Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT;

b) Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ sở sản xuất kinh doanh

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dựa trên phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tiễn của địa phương và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dựa trên phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tiễn của địa phương và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới Cơ sở/Thông báo kết quả đối với Cơ sở chưa đủ điều kiện.

+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

- **Phí, lệ phí (nếu có):**

a) Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở.

b) Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V; Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Thông tư số [44/2018/TT-BTC](#) ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [285/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số [286/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN
TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng
nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
DN tư nhân Khác
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm² , trong đó:

- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)

- Trình tự thực hiện:

+ Trường hợp 1

a) Cơ sở nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP (Cơ quan kiểm tra cấp địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT).

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận ATTP (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).

d) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc không cấp Giấy chứng nhận ATTP trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp 2

a) Cơ sở nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ATTP (Cơ quan kiểm tra cấp địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT).

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

d) cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc không cấp Giấy chứng nhận ATTP trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT;

b) Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ sở sản xuất kinh doanh theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dựa trên phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tiễn của địa phương và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dựa trên phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tiễn của địa phương và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới Cơ sở/Thông báo kết quả đối với Cơ sở chưa đủ điều kiện.

+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

- **Phí, lệ phí (nếu có):**

a) Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở

b) Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V; Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Thông tư số [44/2018/TT-BTC](#) ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [285/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số [286/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài
DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần
DN tư nhân Khác
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)

- Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở nộp hồ sơ tới (Cơ quan kiểm tra cấp địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT).

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, cơ quan tiến hành kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận ATTP (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).

- Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở sản xuất kinh doanh

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dựa trên phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tiễn của địa phương và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dựa trên phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tình hình thực tiễn của địa phương và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở ATTP. Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đã được cấp trước đó.

- Phí, lệ phí (nếu có):

a) Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở.

b) Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Thông tư số [44/2018/TT-BTC](#) ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [285/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số [286/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

4. Điện thoại Fax

Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

-

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

- Trình tự thực hiện:

a) Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm gửi một bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến cơ quan được quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

c) Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

d) Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

+ Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

+ Mẫu giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- Cách thức thực hiện: qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

- Hồ sơ:

+ Đối với tổ chức:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

b) Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

d) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

+ Đối với cá nhân:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

- b) Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;
- c) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch này có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành nông nghiệp và PTNT (theo nguyên tắc quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT).

b. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không

c. Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành nông nghiệp và PTNT (theo nguyên tắc được quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT)

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- **Mẫu đơn, tờ khai:**

a) Đối với tổ chức: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a và 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Đối với cá nhân: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

- **Phí, lệ phí:** 30.000 đồng/lần/người.

- **Kết quả thực hiện TTHC:**

a) Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

b) Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

+ Thông tư số [44/2018/TT-BTC](#) ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [285/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số [286/2016/TT-BTC](#) ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Phụ lục 4

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số
..... cấp ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ:, Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày tháng ... năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Phụ lục 4, Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của (tên tổ chức)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày tháng ... năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

5. Đăng ký hỗ trợ thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (gọi tắt là Phòng Nông nghiệp cấp huyện) nơi cơ sở hoạt động (chậm nhất là ngày 31/7 hàng năm). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Viết Giấy hẹn.
- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định: Công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để tổ chức, cá nhân thực hiện lại cho kịp thời và đúng quy định.

Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nông nghiệp cấp huyện. Công chức trả kết quả cho người nhận:

- Trường hợp nếu mất giấy hẹn thì phải có giấy giới thiệu của tổ chức nộp hồ sơ.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (Trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần:

- + Giấy đăng ký thực hiện áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) (Phụ lục I - Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT);

+ Bảng kê khai các nội dung, kinh phí đề nghị hỗ trợ (Phụ lục 2 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND).

d) Thời hạn giải quyết:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt gửi Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chậm nhất ngày 15 tháng 8 hàng năm.

- Các cơ quan có liên quan thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất vào ngày 15 tháng 9 hàng năm.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành văn bản phê duyệt.

- Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi công văn thông báo đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thành, thị và các tổ chức/cá nhân có liên quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - tỉnh Tiền Giang.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo.

g) Lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, tờ khai: Phụ lục I - Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT; Phụ lục 2 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức/cá nhân được hỗ trợ khi đăng ký sản xuất, sơ chế các sản phẩm trong danh mục: 1. Sản phẩm trồng trọt: lúa, rau, quả, nấm ăn. 2. Sản phẩm chăn nuôi: heo, bò thịt, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong. 3. Sản phẩm thủy sản: cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi. Và phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Phải đăng ký và thực hiện áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn cho sản phẩm và phải thuộc vùng quy hoạch của tỉnh. Trường hợp địa điểm sản xuất, sơ chế không thuộc vùng quy hoạch thì phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã cho phép đầu tư, sản xuất. 2. Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm được ký kết hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong Giấy đăng ký áp dụng quy trình sản

xuất nông nghiệp tốt và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt. 3. Cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn kể cả khi kết thúc hỗ trợ. 4. Đối với chăn nuôi heo, bò thịt, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong: phải đáp ứng các điều kiện đăng ký chăn nuôi theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và áp trứng gia cầm trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. 5. Đối với nuôi thủy sản: Cơ sở phải đáp ứng các điều kiện đăng ký nuôi thủy sản theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống và nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. 6. Đối với cơ sở sơ chế sản phẩm nông sản và thủy sản: a) Địa điểm xây dựng nhà sơ chế phải gắn kết với vùng nguyên liệu sản xuất. b) Phải có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn và phải đảm bảo công suất sơ chế từ 50% sản lượng trở lên của cơ sở sản xuất cung ứng. c) Cơ sở có đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. 7. Chỉ hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho 01 (một) chu kỳ sản xuất của từng loại sản phẩm nhưng thời gian thực hiện tối đa không quá 12 tháng. 8. Ngoài các điều kiện nêu trên, cơ sở còn phải đáp ứng các quy định khác của Nhà nước trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

PHỤ LỤC I
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG VIETGAP
*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42 /2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT
ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG VietGAP

Kính gửi: (Chủ đầu tư dự án áp dụng VietGAP)

1. Tên người sản xuất:.....

2. Địa chỉ:.....

ĐT Fax Email.....

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Đăng ký áp dụng VietGAP:

- Giai đoạn áp dụng: Sản xuất ; Sơ chế ; Sản xuất và sơ chế

- Chung loại sản phẩm:

- Diện tích sản xuất (ha hoặc m²)

- Công suất sơ chế (kg hoặc tấn/ngày):

- Sản lượng sản xuất/sơ chế (kg hoặc tấn/năm):

- Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm: hoặc

- Phương án tiêu thụ sản phẩm VietGAP:.....

5. Chúng tôi cam kết áp dụng VietGAP trong quá trình

Sản xuất Sơ chế Sản xuất và sơ chế đối với sản phẩm ...

Đề nghị ... (Chủ đầu tư dự án) ... cho tham gia dự án VietGAP để được hỗ trợ theo Quyết định số [01/2012/QĐ-TTg](#) ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ./.

**Xác nhận của UBND
xã/ phường/ thị trấn**

(Ký tên, đóng dấu)

Người sản xuất

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục 2:

Mẫu bảng kê khai các nội dung đề nghị hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh
Tiền Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG KÊ KHAI CÁC HẠNG MỤC VÀ NHU CẦU KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ÁP
DỤNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT**

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
- ĐT..... Fax:..... Email:.....
3. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):.....
4. Đăng ký sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn:
 - Chung loại sản phẩm:.....
 - Diện tích sản xuất (ha hoặc m²):.....
 - Sản lượng sản xuất (tấn/vụ (năm)):
.....
 - Công suất sơ chế (kg, tấn/ngày):.....

Stt	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng cộng	Vốn đối ứng của cơ sở	Vốn đề nghị nhà nước hỗ trợ	
1	Cây giống/con giống							
2	Vật tư thiết yếu (trang thiết bị)							
2.1								
2.2								
...								
3	Chi phí đào tạo							
3.1								
3.2								
...								
4	Chi phí chuyển giao áp dụng							
4.1	Chi phí xây dựng HTQLCL							
4.2	Chi phí thuê CBKT							
...								
5	Kinh phí thuê tổ chức chứng nhận							
	Tổng cộng							

Chủ sở hữu

6. Đăng ký hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và an toàn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (gọi tắt là Phòng Nông nghiệp cấp huyện) nơi cơ sở hoạt động (chậm nhất là ngày 31/7 hàng năm). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Viết Giấy hẹn.
- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định: Công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để tổ chức, cá nhân thực hiện lại cho kịp thời và đúng quy định.

Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nông nghiệp cấp huyện. Công chức trả kết quả cho người nhận:

- Trường hợp nếu mất giấy hẹn thì phải có giấy giới thiệu của tổ chức nộp hồ sơ.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (Trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần:

+ Giấy đăng ký cấp Giấy chứng nhận sản phẩm quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn hoặc chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 3 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND);

+ Kết quả tự đánh giá nội bộ của cơ sở đạt yêu cầu quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc an toàn.

+ Bảng kê khai các nội dung, kinh phí đề nghị hỗ trợ (Phụ lục 2 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND)

d) Thời hạn giải quyết:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt gửi Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chậm nhất ngày 15 tháng 8 hàng năm.

- Các cơ quan có liên quan thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất vào ngày 15 tháng 9 hàng năm.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành văn bản phê duyệt.

- Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi công văn thông báo đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thành, thị và các tổ chức/cá nhân có liên quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - tỉnh Tiền Giang.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo.

g) Lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, tờ khai: Phụ lục 2 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND ; Phụ lục 3 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức/cá nhân được hỗ trợ khi đăng ký sản xuất, sơ chế các sản phẩm trong danh mục: 1. Sản phẩm trồng trọt: lúa, rau, quả, nấm ăn. 2. Sản phẩm chăn nuôi: heo, bò thịt, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong. 3. Sản phẩm thủy sản: cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi. Và phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Phải đăng ký và thực hiện áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn cho sản phẩm và phải thuộc vùng quy hoạch của tỉnh. Trường hợp địa điểm sản xuất, sơ chế không thuộc vùng quy hoạch thì phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã

cho phép đầu tư, sản xuất. 2. Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm được ký kết hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong Giấy đăng ký áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt. 3. Cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn kể cả khi kết thúc hỗ trợ. 4. Đối với chăn nuôi heo, bò thịt, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong: phải đáp ứng các điều kiện đăng ký chăn nuôi theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và áp trứng gia cầm trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. 5. Đối với nuôi thủy sản: Cơ sở phải đáp ứng các điều kiện đăng ký nuôi thủy sản theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống và nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. 6. Đối với cơ sở sơ chế sản phẩm nông sản và thủy sản: a) Địa điểm xây dựng nhà sơ chế phải gắn kết với vùng nguyên liệu sản xuất. b) Phải có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn và phải đảm bảo công suất sơ chế từ 50% sản lượng trở lên của cơ sở sản xuất cung ứng. c) Cơ sở có đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. 7. Chỉ hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho 01 (một) chu kỳ sản xuất của từng loại sản phẩm nhưng thời gian thực hiện tối đa không quá 12 tháng. 8. Ngoài các điều kiện nêu trên, cơ sở còn phải đáp ứng các quy định khác của Nhà nước trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Phụ lục 2:

Mẫu bảng kê khai các nội dung đề nghị hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh
Tiền Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG KÊ KHAI CÁC HẠNG MỤC VÀ NHU CẦU KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ÁP
DỤNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT**

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
- ĐT..... Fax:..... Email:.....
3. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):.....
4. Đăng ký sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn:
 - Chung loại sản phẩm:.....
 - Diện tích sản xuất (ha hoặc m²):.....
 - Sản lượng sản xuất (tấn/vụ (năm)):
.....
 - Công suất sơ chế (kg, tấn/ngày):.....

Stt	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng cộng	Vốn đối ứng của cơ sở	Vốn đề nghị nhà nước hỗ trợ	
1	Cây giống/con giống							
2	Vật tư thiết yếu (trang thiết bị)							
2.1								
2.2								
...								
3	Chi phí đào tạo							
3.1								
3.2								
...								
4	Chi phí chuyển giao áp dụng							
4.1	Chi phí xây dựng HTQLCL							
4.2	Chi phí thuê CBKT							
...								
5	Kinh phí thuê tổ chức chứng nhận							
	Tổng cộng							

Chủ sở hữu

Phụ lục 3:

Mẫu giấy đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn hoặc chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP/CẤP LẠI

Giấy chứng nhận sản phẩm áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (Chủ đầu tư dự án áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt)

1. Tên cơ sở sản xuất, sơ chế:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, sơ chế:

.....

.....

3. Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

5. Mặc hàng sản xuất, sơ chế:

- Chung loại sản phẩm:.....

- Diện tích sản xuất (ha hoặc m²):.....

- Sản lượng sản xuất (tấn/vụ (năm)):.....

- Công suất sơ chế (kg, tấn/ngày):.....

Đề nghị.....(chủ đầu tư dự án).....hỗ trợ cấp/cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP/an toàn/chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm. (Ghi cụ thể nội dung cần đề nghị: cấp hay cấp lại; chứng nhận sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hay an toàn; chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-.....

-.....

7. Đăng ký hỗ trợ kinh phí cấp lại giấy chứng nhận thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và an toàn (đối với các cơ sở chưa được hỗ trợ lần đầu)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (gọi tắt là Phòng Nông nghiệp cấp huyện) nơi cơ sở hoạt động (chậm nhất là ngày 31/7 hàng năm). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Viết Giấy hẹn.
- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định: Công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản đề tổ chức, cá nhân thực hiện lại cho kịp thời và đúng quy định.

Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nông nghiệp cấp huyện. Công chức trả kết quả cho người nhận:

- Trường hợp nếu mất giấy hẹn thì phải có giấy giới thiệu của tổ chức nộp hồ sơ.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (Trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần:

+ Giấy đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn hoặc chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 3 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND);

- + Kết quả tự đánh giá nội bộ của cơ sở đạt yêu cầu quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc an toàn.
- + Bản sao Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP, an toàn; chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm được cấp lần đầu.
- + Bảng kê khai các nội dung, kinh phí đề nghị hỗ trợ (Phụ lục 2 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND)

d) Thời hạn giải quyết:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt gửi Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chậm nhất ngày 15 tháng 8 hàng năm.
- Các cơ quan có liên quan thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất vào ngày 15 tháng 9 hàng năm.
- Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành văn bản phê duyệt.
- Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi công văn thông báo đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thành, thị và các tổ chức/cá nhân có liên quan.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - tỉnh Tiền Giang.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo.

g) Lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, tờ khai: Phụ lục 2 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND; Phụ lục 3 - Quyết định 04/2015/QĐ-UBND.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức/cá nhân được hỗ trợ khi đăng ký sản xuất, sơ chế các sản phẩm trong danh mục: 1. Sản phẩm trồng trọt: lúa, rau, quả, nấm ăn. 2. Sản phẩm chăn nuôi: heo, bò thịt, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong. 3. Sản phẩm thủy sản: cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi. Và phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Phải đăng ký và thực hiện áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn cho sản phẩm và phải thuộc vùng

quy hoạch của tỉnh. Trường hợp địa điểm sản xuất, sơ chế không thuộc vùng quy hoạch thì phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã cho phép đầu tư, sản xuất. 2. Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm được ký kết hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong Giấy đăng ký áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt. 3. Cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn kể cả khi kết thúc hỗ trợ. 4. Đối với chăn nuôi heo, bò thịt, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong: phải đáp ứng các điều kiện đăng ký chăn nuôi theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật và áp trứng gia cầm trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. 5. Đối với nuôi thủy sản: Cơ sở phải đáp ứng các điều kiện đăng ký nuôi thủy sản theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống và nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. 6. Đối với cơ sở sơ chế sản phẩm nông sản và thủy sản: a) Địa điểm xây dựng nhà sơ chế phải gắn kết với vùng nguyên liệu sản xuất. b) Phải có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn và phải đảm bảo công suất sơ chế từ 50% sản lượng trở lên của cơ sở sản xuất cung ứng. c) Cơ sở có đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. 7. Chỉ hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho 01 (một) chu kỳ sản xuất của từng loại sản phẩm nhưng thời gian thực hiện tối đa không quá 12 tháng. 8. Ngoài các điều kiện nêu trên, cơ sở còn phải đáp ứng các quy định khác của Nhà nước trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Phụ lục 2:

Mẫu bảng kê khai các nội dung đề nghị hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh
Tiền Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG KÊ KHAI CÁC HẠNG MỤC VÀ NHU CẦU KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ÁP
DỤNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT**

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
ĐT..... Fax:..... Email:.....
3. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):.....
4. Đăng ký sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn:
 - Chung loại sản phẩm:.....
 - Diện tích sản xuất (ha hoặc m²):.....
 - Sản lượng sản xuất (tấn/vụ (năm)):.....
 - Công suất sơ chế (kg, tấn/ngày):.....

Stt	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Nhu cầu kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Ghi chú
					Tổng cộng	Vốn đối ứng của cơ sở	Vốn đề nghị nhà nước hỗ trợ	
1	Cây giống/con giống							
2	Vật tư thiết yếu (trang thiết bị)							
2.1								
2.2								
...								
3	Chi phí đào tạo							
3.1								
3.2								
...								
4	Chi phí chuyển giao áp dụng							
4.1	Chi phí xây dựng HTQLCL							
4.2	Chi phí thuê CBKT							
...								
5	Kinh phí thuê tổ chức chứng nhận							
	Tổng cộng							

Chủ sở hữu

Phụ lục 3:

Mẫu giấy đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn hoặc chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP/CẤP LẠI

Giấy chứng nhận sản phẩm áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (Chủ đầu tư dự án áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt)

1. Tên cơ sở sản xuất, sơ chế:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, sơ chế:

.....

.....

3. Điện thoại.....Fax:.....Email:.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

5. Mặc hàng sản xuất, sơ chế:

- Chung loại sản phẩm:.....

- Diện tích sản xuất (ha hoặc m²):.....

- Sản lượng sản xuất (tấn/vụ (năm)):.....

- Công suất sơ chế (kg, tấn/ngày):.....

Đề nghị.....(chủ đầu tư dự án).....hỗ trợ cấp/cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP/an toàn/chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm. (Ghi cụ thể nội dung cần đề nghị: cấp hay cấp lại; chứng nhận sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hay an toàn; chứng nhận cơ sở sơ chế đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-.....

-.....